

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN IA PA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 13 /2015/NQ-HĐND

Ia Pa, ngày 28 tháng 12 năm 2015

NGHỊ QUYẾT

**Phê chuẩn “Phương án phát triển công tác khuyến công, khuyến nông
và các hình thức tổ chức sản xuất giai đoạn 2016-2020”**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN
KHÓA III, KỲ HỌP THỨ 11**

(Từ ngày 24 đến ngày 25 tháng 12 năm 2015)

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003;

Sau khi xem xét Tờ trình số 69/TTr-UBND ngày 17/12/2015 của UBND huyện về đề nghị phê chuẩn “Phương án phát triển công tác khuyến công, khuyến nông và các hình thức tổ chức sản xuất giai đoạn 2016 - 2020”; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế-Xã hội HĐND huyện, ý kiến thảo luận tại kỳ họp thứ 11-HĐND huyện Khóa III,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê chuẩn “Phương án phát triển công tác khuyến công, khuyến nông và các hình thức tổ chức sản xuất giai đoạn 2016 - 2020” (tại Tờ trình số 69/TTr-UBND ngày 17/12/2015 của Ủy ban nhân dân huyện).

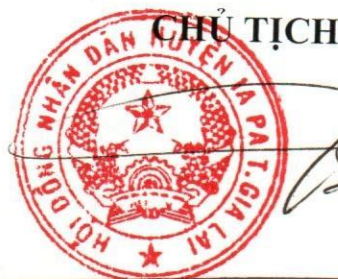
(Nội dung cụ thể có Phương án gửi kèm).

Điều 2. Giao cho Ủy ban nhân dân huyện, Thường trực HĐND huyện căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn quy định, chủ động triển khai thực hiện đúng theo quy định.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Khóa III, kỳ họp thứ 11 thông qua ngày 25 tháng 12 năm 2015. /

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- TT HĐND tỉnh; UBND tỉnh;
- TT Huyện ủy; P. Tư pháp;
- ĐB HĐND tỉnh (tại huyện);
- ĐB HĐND huyện;
- Lưu VT.



Nguyễn Minh Phúc

PHƯƠNG ÁN

**Phát triển công tác khuyến công, khuyến nông và các hình thức
tổ chức sản xuất giai đoạn 2016-2020**

(Kèm theo Nghị quyết số: 13/2015/NQ-HĐND ngày 28 tháng 12 năm 2015)

Phần 1. Mở đầu

1. Đặc điểm tình hình kinh tế-xã hội của huyện Ia Pa.

Huyện Ia Pa có tổng diện tích tự nhiên 86.890 ha, có 9 đơn vị hành chính cấp xã (trong đó 07 xã thuộc vùng III, 2 xã vùng II và 32/75 thôn làng đặc biệt khó khăn). Dự ước, đến 31/12/2015 dân số trên 55 ngàn người (trong đó dân tộc thiểu số chiếm gần 73%); tỷ lệ hộ nghèo gần 30% (trong đó hộ DTTS chiếm trên 85%); thu nhập bình quân đầu người chỉ bằng 40% so với mức bình quân của tỉnh; dân số sống bằng nghề nông nghiệp chiếm trên 80%.

Nền kinh tế có xuất phát điểm thấp, chủ yếu dựa vào sản xuất nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ chiếm tỷ trọng nhỏ, tăng trưởng kinh tế chậm; dân tộc thiểu số chiếm tỷ trọng cao, tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo trên 50%, trình độ dân trí hạn chế; cơ sở hạ tầng kinh tế, xã hội yếu kém là những nguyên nhân cơ bản làm cho kinh tế của huyện chậm phát triển, đời sống vật chất tinh thần của người dân còn gặp nhiều khó khăn.

2. Sự cần thiết xây dựng Phương án.

Xuất phát từ đặc điểm, tình hình kinh tế-xã hội nêu trên. Giai đoạn năm 2016-2020, tiếp tục xác định phát triển nông nghiệp, công nghiệp là hai nhiệm vụ chủ lực để phát triển kinh tế, trong đó nông nghiệp là trụ cột. Do vậy, tập trung thu hút đầu tư, khuyến khích phát triển các cơ sở công nghiệp, nhất là công nghiệp chế biến; xây dựng và phát triển kinh tế hợp tác xã, kinh tế tư nhân, tìm mọi giải pháp huy động nhiều nguồn lực để đầu tư trong lĩnh vực khuyến nông, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ vào sản xuất, chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng nâng cao giá trị và hiệu quả là những nhiệm vụ trọng tâm cần tập trung, góp phần tăng trưởng kinh tế bền vững, thực hiện tốt Chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới, phấn đấu hết năm 2020 có 5 xã đạt chuẩn Nông thôn mới.

3. Cơ sở pháp lý để xây dựng Phương án.

- Luật tổ chức HĐND- UBND năm 2003;
- Nghị quyết Huyện Đảng bộ lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2016-2020;
- Luật Hợp tác xã năm 2012; Nghị định 193/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã; Nghị định 151/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2007 về tổ chức và hoạt động của Tổ hợp tác;

59

- Nghị định 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính phủ về Khuyến Công; Thông tư liên tịch số 04/2014/TTLT-BTC-BCT ngày 18/02/2014 của liên bộ Tài chính, Công thương về hướng dẫn trình tự lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công quốc gia và kinh phí khuyến công địa phương;

- Nghị định 02/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 01 năm 2010 của Chính phủ về Khuyến nông; Quyết định 62/2013/QĐ-TTg ngày 25 tháng 10 năm 2013 về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng mẫu lớn; Nghị định 55/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 06 năm 2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng, phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn; Nghị định 210/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

- Chỉ thị số 06/CT-UBND ngày 12 tháng 02 năm 2015 của UBND tỉnh về việc đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ phục vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Quyết định 383/QĐ-UBND ngày 03/7/2015 của UBND tỉnh về ban hành kế hoạch đổi mới, phát triển các hình thức tổ chức kinh tế hợp tác trong nông nghiệp tỉnh Gia Lai, giai đoạn 2015-2020.

Phần 2. Nội dung của Phương án.

I. Đánh giá thực trạng.

1. Về công nghiệp.

Đến nay, trên địa bàn huyện chưa có cơ sở sản xuất công nghiệp quy mô, chỉ có một vài cơ sở sản xuất bao bì, nước lọc, vật liệu xây dựng nhỏ lẻ; sản phẩm nông nghiệp hầu hết xuất ra ngoài huyện để chế biến và tiêu thụ như mía, sắn, ngô, lúa, thuốc lá lá. Dự kiến vào đầu Quý II/2016 nhà máy sản công suất 200 tấn bột ngày đi vào hoạt động là cơ hội cho đầu ra của cây sắn.

2. Về nông nghiệp.

Trong nhiều năm qua, truyền thống trên địa bàn chỉ tập trung canh tác một số loại cây trồng có diện tích lớn như cây mía, sắn, lúa, ngô, thuốc lá lá và đậu đỗ các loại; và một số vật nuôi chủ yếu như bò, heo, dê, vịt, gà. Nhìn chung, phương thức tổ chức sản xuất còn lạc hậu, nhiều nơi đã áp dụng cơ giới hóa vào nông nghiệp nhưng đa phần là những máy móc thô sơ, năng suất kém, sản xuất rất manh mún, việc áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất còn nhiều hạn chế.

3. Thực trạng của các hình thức tổ chức sản xuất.

- Về liên kết sản xuất: Trong nhiều năm qua, chỉ có hai loại cây trồng là mía và thuốc lá được các doanh nghiệp đầu tư và liên kết sản xuất từ đầu vào đến đầu ra, còn lại tất cả các sản phẩm khác người dân tự đầu tư, tự tiêu thụ không có thị trường ổn định, thiếu tính bền vững.

- Về phát triển hợp tác xã: Đến nay, toàn huyện có 06 hợp tác xã nông nghiệp (Pờ Tó, Ia Mron, Ia Broái, Ia Tul, Chư Mố, Ia Kdăm), các hợp tác xã nông nghiệp hầu hết chỉ có một hoạt động duy nhất là cung cấp dịch vụ thủy lợi, tài sản chủ yếu là các trạm bơm điện hoặc kênh mương nội đồng được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, nguồn thu nhập chính dựa vào số tiền miễn giảm thủy lợi phí theo quy định, và thu của hộ dân sử dụng nước thủy lợi; bộ máy quản trị không

53
chuyên nghiệp, năng lực còn hạn chế; việc góp vốn điều lệ của thành viên hợp tác xã thường là hình thức; hoạt động kém hiệu quả và không đúng Luật Hợp tác xã năm 2012.

- Về phát triển tổ hợp tác: Từ năm 2010 đến nay, nhờ hoạt động của một số dự án ODA nên đã xây dựng gần 50 nhóm hợp tác, các nhóm này chủ yếu hình thành từ những hộ cùng sở thích về chăn nuôi hay trồng trọt một loại cây, con cụ thể, được dự án hỗ trợ về vốn, kỹ thuật tiến hành xây dựng kế hoạch hoạt động. Hình thức tổ chức sản xuất như trên tuy có tiến bộ hơn trước nhưng còn sơ đẳng, thiếu bền vững (vì dựa vào dự án) và hiệu quả không cao.

4. Về công tác khuyến công, khuyến nông và chuyển giao khoa học kỹ thuật vào sản xuất.

- Trong những năm qua, công tác khuyến công chưa được quan tâm, thiếu định hướng nên hầu hết đều mang tính tự phát. Kết quả, đến nay chỉ có một vài cơ sở công nghiệp nhỏ lẻ, chủ yếu sản xuất hàng tiêu dùng tiêu thụ nội bộ.

- Công tác khuyến nông và chuyển giao kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp, tuy có chú trọng nhưng hiệu quả chưa cao, nguyên nhân chủ yếu là chưa đầu tư vào chiều sâu, còn dàn trải và manh mún, hình thức đầu tư chủ yếu hỗ trợ thực hiện một số mô hình thí điểm nhỏ lẻ, khả năng nhân rộng hạn chế.

II. Mục tiêu, định hướng phát triển công nghiệp, nông lâm nghiệp giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn huyện.

1. Đối với công nghiệp: Do điều kiện tự nhiên, vị trí địa lý và thực trạng về kinh tế-xã hội của huyện nên không có nhiều thuận lợi để thu hút nhà đầu tư thành lập, xây dựng các cơ sở công nghiệp sản xuất, chế tạo khác. Trong 5 năm đến, tập trung mọi giải pháp để thu hút, phát triển ngành công nghiệp chế biến từ nguyên liệu là những sản phẩm nông nghiệp có thể mạnh của địa phương.

Mục tiêu đến năm 2020: những sản phẩm của các loại cây trồng chủ lực đều được doanh nghiệp thu mua toàn bộ.

2. Đối với nông lâm nghiệp: Tập trung nguồn lực và giải pháp để phát triển một số loại cây, con hàng hóa chủ lực có thể mạnh của huyện, gồm cây lúa, mía, sắn, ngô, thuốc lá; con bò, dê, heo, vịt, gà. Chú trọng phát triển tổng hợp kinh tế rừng, kinh tế vườn hộ.

Mục tiêu đến năm 2020: sản xuất nông nghiệp đều được cơ giới hóa từ khâu làm đất đến khâu thu hoạch; 50% diện tích của các loại cây trồng chủ lực được doanh nghiệp đầu tư theo hình thức cánh đồng lớn; tỷ lệ lai tạo đàn bò đạt trên 30%.

III. Những giải pháp chủ yếu.

1. Đối với công nghiệp.

- Điều chỉnh, bổ sung kịp thời về quy hoạch khu công nghiệp, quy hoạch sử dụng đất cho phù hợp với tình hình phát triển của địa phương.

- Phát triển tốt mối quan hệ với các doanh nghiệp đã, đang và sẽ hợp tác đầu tư trên địa bàn như Công ty TNHH MTV Thành Thành Công Gia Lai, Công ty liên doanh thuốc lá BAT-Vinataba, Công ty cổ phần Nông sản thực phẩm Việt Nam.

- Chủ động tìm kiếm và tạo mọi điều kiện thuận lợi về đất đai, thủ tục hành chính, đảm bảo an ninh trật tự, ... để thu hút các doanh nghiệp đến đầu tư trên địa bàn.

- Tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách và quy định của pháp luật trong lĩnh vực khuyến công.

2. Đối với nông nghiệp.

- Điều chỉnh, bổ sung kịp thời quy hoạch nông nghiệp, thủy lợi, sử dụng đất và quy hoạch ngành phù hợp với tình hình phát triển của địa phương.

- Chú trọng và tập trung nguồn lực để phát triển hệ thống thủy lợi, tiến đến chủ động trong tưới tiêu.

- Chủ động tìm kiếm và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, tổ chức và tích cực xây dựng mối liên hệ trách nhiệm giữa Nhà nước, nhà doanh nghiệp, nhà nông và nhà khoa học, trong đó liên kết để xây dựng, nhân rộng cánh đồng lớn đối với ba cây hàng hóa chủ lực gồm lúa, sắn và mía được xem là trọng tâm

- Đầu tư có trọng điểm đi đôi với các giải pháp hữu hiệu để phát triển đàn gia súc, gia cầm, trong đó ưu tiên tập trung công tác lai tạo để nâng cao chất lượng và giá trị đàn bò.

- Xây dựng mới hoặc củng cố, tăng cường các hình thức tổ chức sản xuất phù hợp, chú trọng đầu tư, hỗ trợ để phát triển kinh tế tập thể (hợp tác xã, tổ hợp tác), kinh tế trang trại, kinh tế tư nhân.

- Tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách và quy định của pháp luật trong lĩnh vực khuyến nông; lựa chọn, đầu tư các mô hình thí điểm có khả năng nhân rộng, tác động tích cực đến công tác giảm nghèo, phát triển nông nghiệp

3. Một số giải pháp liên quan khác.

- Tăng cường và nâng cao chất lượng của công tác tuyên truyền, vận động nhân dân chuyển đổi nhận thức về phát triển kinh tế bền vững.

- Nâng cao chất lượng công tác lồng ghép vốn đầu tư từ các chương trình, dự án phát triển công nghiệp, nông lâm nghiệp.

- Làm tốt công tác dự báo thị trường để hạn chế tối đa thiệt hại cho người dân.

- Tăng cường và nâng cao chất lượng của công tác giám sát, đánh giá.

- Thực hiện tốt mối quan hệ phối hợp giữa các cấp các ngành trong công tác khuyến công và khuyến nông.

Phần 3. Tổ chức thực hiện

Ủy ban nhân dân huyện có trách nhiệm xây dựng kế hoạch, đề ra các giải pháp cụ thể và tổ chức thực hiện Phương án sau khi Hội đồng nhân dân có Nghị quyết.